TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 42/2023/DS-ST
Ngày 18 - 8 - 2023
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thân Trọng Khôi
Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thanh
Ông Đoàn Văn Cương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Lê Đình Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lạng Giang, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 81/2023/TLST-DS ngày 29 tháng 5 năm 2023 về việc Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 103/2023/QĐXXST-DS ngày 07/7/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 64/2023/QĐST-DS ngày 28/7/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Bùi Xuân D, sinh năm 1964 (có mặt);
Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1980 (có mặt);
Đều cư trú: Thôn Y, xã Y, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

- Bị đơn: Anh Phạm Văn S, sinh năm 1984 (vắng mặt);
Nơi cư trú: TDP N, thị trấn V, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện và những lời khai tiếp theo, nguyên đơn anh Bùi Xuân D, chị Nguyễn Thị H trình bày**: Vợ chồng anh chị với anh S là quan hệ quen biết. Anh S nhận thuê khoán lại bể bơi của Quân đoàn 2 để kinh doanh, nhưng vì thiếu tiền nên anh S đã hỏi vay tiền, vợ chồng anh chị đồng ý. Ngày 13/11/2019 vợ chồng anh chị đã cho anh S vay 120.000.000đ và hẹn đến ngày 30/12/2019 sẽ trả cho vợ chồng anh chị cả gốc và lãi suất. Tuy nhiên đến hạn anh S không trả, mặc dù từ đó đến nay anh chị đã đòi nhiều lần nhưng anh S vẫn không trả còn cố tình lảng tránh. Nay vợ chồng anh chị đề nghị Tòa án buộc anh S phải thanh toán trả vợ chồng anh chị số tiền gốc là 120.000.000đ và tiền lãi suất 1%/tháng kể từ ngày 01/01/2020 đến nay.

**** Bị đơn anh Phạm Văn S trình bày***: Ngày 13/11/2019 anh có vay của vợ chồng anh D, chị H 120.000.000đ (một trăm hai mươi triệu đồng), mục đích để làm ăn kinh tế

riêng, lắp đường nước vào bể bơi Quân đoàn 2. Khi vay có viết giấy biên nhận do tự tay anh viết, có thỏa thuận miệng lãi suất, nhưng không nhớ lãi suất là bao nhiêu phần trăm trên tháng, hẹn đến ngày 30/12/2019 sẽ trả hết số tiền gốc và lãi suất. Từ khi vay anh đã chuyển tiền qua tài khoản ngân hàng để trả, nhưng không nhớ thời gian chuyển và Ngân hàng nào, chuyển trả bao nhiêu tiền. Ngoài ra anh còn đưa tiền mặt trả cho chị H hai lần không nhớ ngày tháng, tại khu vực đường sắt cắt ngang thuộc địa phận thôn Y, lần một đưa hai mươi triệu đồng, lần hai đưa ba mươi triệu đồng, đưa trực tiếp bằng tay, không viết giấy giao nhận, không có người làm chứng.

Tại phiên tòa hôm nay: Anh D, chị H đều có mặt giữ nguyên yêu cầu trên và trình bày thêm; yêu cầu anh S trả tiền lãi suất theo quy định của pháp luật từ ngày 01/01/2020 đến nay. Anh S vắng mặt, mặc dù đã được Tòa án thông báo phiên tòa hợp lệ đến lần thứ hai.

Phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa: Về việc chấp hành pháp luật tố tụng của hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, Thẩm phán được phân công giải quyết, nguyên đơn anh D chị H trong suốt quá giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh S vắng mặt trong phiên họp và hòa giải. Tại phiên tòa hôm nay anh D, chị H đều có mặt. Anh S vắng mặt, mặc dù đã được Tòa án thông báo phiên tòa hợp lệ đến lần thứ hai. Hướng đề xuất: Đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án theo quy định của pháp luật. Đề nghị áp dụng: Điều 26, 35, 147, 228, 235, 264, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Điều 357, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự 2015. Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Bùi Xuân D và chị Nguyễn Thị H. Buộc anh Phạm Văn S phải có trách nhiệm thanh toán trả vợ chồng anh Bùi Xuân D, chị Nguyễn Thị H 120.000.000đ tiền gốc và 43.561.000đ tiền lãi suất; tổng cộng cả gốc và lãi suất là 163.561.000đ (Một trăm sáu ba triệu năm trăm sáu mốt nghìn đồng). Ngoài ra còn đề nghị xử lý tiền án phí, tuyên quyền kháng cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, phát biểu của kiểm sát viên tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, phạm vi khởi kiện, thẩm quyền giải quyết và thủ tục tố tụng: Căn cứ đơn khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ thì nguyên đơn anh Bùi Xuân D, chị Nguyễn Thị H; khởi kiện đòi tiền đối với anh Phạm Văn S, sinh năm 1984; Nơi cư trú: TDP N, thị trấn V, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang. Nội dung: Theo Giấy biên nhận vay tiền mặt do anh D xuất trình, thì vợ chồng anh D chị H có cho anh S vay 120.000.000đ. Nay anh D chị H đề nghị Tòa án buộc anh S phải trả cho vợ chồng anh D chị H tiền gốc và lãi suất. Như vậy xác định được đây là quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng vay tài sản, phạm vi khởi kiện là đòi lại tiền gốc và lãi suất, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang theo quy định tại Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa hôm nay anh D, chị H đều có mặt. Anh S vắng mặt, mặc dù đã được Tòa án thông báo phiên tòa hợp lệ đến lần thứ hai. Nên HĐXX căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiếp tục xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án: Xuất phát từ quan hệ quen biết nên ngày 13/11/2019 vợ chồng anh Bùi Xuân D, chị Nguyễn Thị H có cho anh Phạm Văn S vay 120.000.000đ, khi vay có viết "Giấy biên nhận vay tiền mặt", có thỏa thuận miệng lãi suất, hẹn đến ngày 30/12/2019 trả hết cả gốc và lãi suất. Đến hẹn anh S không trả và từ đó đến nay mặc dù vợ chồng anh D, chị H đòi nhiều lần nhưng anh S vẫn không trả. Nay vợ chồng anh D, chị H yêu cầu cá nhân anh S phải có trách nhiệm trả vợ chồng anh D, chị H 120.000.000đ tiền gốc và lãi suất theo quy định của pháp luật từ khi vay đến ngày xét xử vụ án.

Phía bị đơn anh Phạm Văn S xác định ngày 13/11/2019 anh có vay của vợ chồng anh D, chị H 120.000.000đ là đúng, hẹn đến ngày 30/12/2019 sẽ trả hết số tiền gốc và lãi suất. Từ khi vay anh đã chuyển tiền qua tài khoản ngân hàng để trả, nhưng không nhớ thời gian chuyển và Ngân hàng nào, chuyển trả bao nhiêu tiền. Ngoài ra anh còn đưa tiền mặt trả cho bà H hai lần không nhớ ngày tháng, tại đường sắt cắt ngang thuộc địa phận thôn Y, lần một đưa hai mươi triệu đồng, lần hai đưa ba mươi triệu đồng, đưa trực tiếp bằng tay, không viết giấy giao nhận, không có người làm chứng.

Quá trình giải quyết vụ án anh S vẫn không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh việc đã trả tiền cho anh D, chị H. Tại phiên tòa anh S vắng mặt mặc dù đã được Tòa án thông báo phiên tòa hợp lệ đến lần thứ hai. Do vậy anh S sẽ phải chịu trách nhiệm về việc không cung cấp tài liệu chứng cứ theo khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên không có căn cứ chứng minh anh S đã trả tiền cho anh D, chị H. Khi nào anh S có mặt cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh việc đã trả tiền cho anh D, chị H thì sẽ được xem xét giải quyết sau.

Từ những phân tích và nhận định trên đây, HĐXX xét thấy, căn cứ bản gốc "Giấy biên nhận vay tiền mặt" đề ngày 13/11/2019 do anh D xuất trình, lời khai nhận nợ của anh S, cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Xác định được, do vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên hiện anh Phạm Văn S còn nợ vợ chồng anh Bùi Xuân D, chị Nguyễn Thị H 120.000.000đ tiền gốc. Việc vay tiền, viết giấy biên nhận và ký nhận của các bên là hoàn toàn tự nguyện. Nay vợ chồng anh D, chị H yêu cầu anh S phải thanh toán trả vợ chồng anh D, chị H 120.000.000đ tiền gốc và lãi suất là có căn cứ cần chấp nhận.

Về lãi suất, các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất, do vậy cần áp dụng mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự. Lãi suất được tính cụ thể như sau:

- Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 18/8/2023.

120.000.000đ x $10^{\%}$/năm x 43 tháng 17 ngày = 43.561.000đ.

Nay cần buộc anh Phạm Văn S phải có trách nhiệm thanh toán trả vợ chồng anh Bùi Xuân D, chị Nguyễn Thị H 120.000.000đ tiền gốc và 43.561.000đ tiền lãi suất; tổng cộng cả gốc và lãi suất là 163.561.000đ.

[3] Về án phí: Do chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nên anh Phạm Văn S phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm theo pháp luật. Hoàn trả anh D, chị H tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

* Căn cứ các Điều 26, 35, 147, 228, 235, 264, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Điều 357, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự 2015. Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Bùi Xuân D và chị Nguyễn Thị H. Buộc anh Phạm Văn S phải có trách nhiệm thanh toán trả vợ chồng anh Bùi Xuân D, chị Nguyễn Thị H 120.000.000đ tiền gốc và 43.561.000đ tiền lãi suất; tổng cộng cả gốc và lãi suất là 163.561.000đ (Một trăm sáu ba triệu năm trăm sáu mốt nghìn đồng).

2/ Về án phí: Anh Phạm Văn S phải chịu 8.187.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả anh Bùi Xuân D, chị Nguyễn Thị H 4.560.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005506 ngày 29/5/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lạng Giang.

Kể từ khi Bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành, mà người phải thi hành án không thi hành, hoặc thi hành chưa xong; thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi suất của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự, tương ứng với thời gian chưa thi hành án tại thời điểm thanh toán.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Báo cho các đương sự có mặt biết, được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tống đạt bản án.

Án xử công khai sơ thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang.
- VKSND huyện Lạng Giang
- Chi cục THA huyện Lạng Giang
- Các đương sự
- Lưu

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Thân Trọng Khôi